

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 299/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 11 năm 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Năm**
2. Ông **Huỳnh Minh Giới**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Chí Công** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp: *Ly hôn, nuôi con chung* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 392/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1975.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Thanh H**, sinh năm 1973.

Cùng trú tại: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T (*Giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 28/3/2012*). Quá trình chung sống, vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm, dẫn đến cãi nhau, do anh H có hành động đánh đập và có lời lẽ xúc phạm đến chị. Nay, chị và anh H không còn ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng đã không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 người con chung tên Trần Ánh L, sinh ngày 12/10/2001 và Trần Ánh B, sinh ngày 27/10/2011. Chị S xác định cháu L và cháu B có ước nguyện sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Chị xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, chị S yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định; đồng thời chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

*Đối với bị đơn anh **Trần Thanh H:*** Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh H vắng mặt; không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến cháu Trần Anh L, sinh ngày 12/10/2001 và cháu Trần Anh B, sinh ngày 27/10/2011. Kết quả: Cháu B có ước nguyện sống chung với chị S, còn cháu L có ước nguyện sống chung với anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Trần Thanh H có nơi trú tại ấp K, xã K, huyện T; về quan hệ pháp luật tranh chấp là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị S có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh H vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị S và anh H theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 28/3/2012 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T đã cấp cho chị S và anh H nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị S yêu cầu ly hôn anh H, vì chị cho rằng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, không hạnh phúc; do anh H có hành động đánh đập và có lời lẽ xúc phạm đến chị. Đối với anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh H không có văn bản hay ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị S. Tòa án cũng đã triệu tập nhiều lần hòa giải để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh H vẫn vắng mặt, như vậy cho thấy anh H không có thiện chí trong việc hàn gắn gia đình và chị S kiên quyết ly hôn với anh H. Xét, giữa chị S và anh H đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; anh H có hành động đánh đập và có lời lẽ xúc phạm đến chị S, đây là hành động bạo lực gia đình và vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, cho chị S được ly hôn với anh H là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Chị S và anh H có 02 người con chung tên Trần Anh L, sinh ngày 12/10/2001 và Trần Anh B, sinh ngày 27/10/2011. Chị S xác định cháu L và cháu B có ước nguyện sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi

dưỡng; không đặt ra việc cấp dưỡng. Đối với anh H thì vắng mặt, cũng không có văn bản gửi Tòa án về việc nuôi con chung.

Xét, cháu Trần Ánh B, sinh ngày 27/10/2011 có nguyện vọng được sống chung với chị S, cháu Trần Ánh L, sinh ngày 12/10/2001 có nguyện vọng được sống chung với anh H. Để ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt, cũng như theo nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Bằng cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Liễu cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng. Chị S và anh H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung và nợ*: Chị S không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S với anh Trần Thanh H.

Về con chung: Giao cháu Trần Ánh B, sinh ngày 27/10/2011 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trần Ánh L, sinh ngày 12/10/2001 cho anh Trần Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng. Chị S và anh H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị S đã dự nộp trước 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008310 ngày 19/6/2018 được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lâm Thành Quang